

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 565/QĐ-BXD ngày 13/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam thành Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103017485 lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ tư ngày 16/04/2009.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 203.000.000.000 đồng (Hai trăm linh ba tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Mạnh Vũ	Chủ tịch
Ông Phan Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Nguyên Học	Ủy viên
Ông Trần Đức Cầm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Khoan	Ủy viên
Bà Ngô Thị Thịnh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Cầm	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Trần Quân	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Long	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Đình Thái	Phó Tổng Giám đốc	Thôi giữ chức từ ngày 01/06/2010
Ông Vũ Văn Chiều	Phó Tổng Giám đốc	Thôi giữ chức từ ngày 10/11/2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
 Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Tên công ty Con	Vốn điều lệ	Tỉ lệ góp vốn	Trụ sở	Ngành nghề
Công ty con hoạt động kinh doanh				
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ giới và Đầu tư Thương mại Constrexim	10.000.000.000	55%	Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	10.000.000.000	65%	Nha Trang	Xây lắp
Công ty TNHH MTV Quản lý bất động sản Constrexim	1.000.000.000	100%	Cầu Giấy, Hà Nội	Quản lý BĐS
Công ty con đầu tư bất động sản				
Công ty TNHH MTV C.T.L	81.000.000.000	100%	T.p Hà Nội	Đầu tư
Công ty Cổ phần Địa ốc Sun Lâm	102.000.000.000	89%	Vân Đồn Nha Trang	Đầu tư
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	59.750.000.000	89%	Vân Đồn Nha Trang	Đầu tư

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tên công ty liên kết	Vốn điều lệ	Tỉ lệ góp vốn	Trụ sở	Ngành nghề
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	25.000.000.000	20,00%	Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim (CIC)	10.000.000.000	20,00%	Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	6.000.000.000	30,00%	Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xây lắp, SX VLXD
Công ty CP Constrexim số 16	5.000.000.000	20,00%	Vĩnh, Nghệ An	Xây lắp
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Constrexim (TDC)	36.800.000.000	20,54%	Quận Phú Nhuận, T.p Hồ Chí Minh	Xây lắp, KD hàng NKK
Công ty Cổ phần Đức Tân Long Constrexim	66.532.320.000	27,71%	Hà Lý, Hải Phòng	SX VLXD
Công ty CP Constrexim Bình Định	30.424.100.000	26,72%	Bình Định	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy điện nước Constrexim Toàn Cầu	5.000.000.000	20,00%	Long Biên, Hà Nội	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim	4.900.000.000	20,41%	Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp
Công ty Cổ phần Constrexim số 9	6.000.000.000	20,00%	Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	10.000.000.000	27,00%	Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	10.000.000.000	30,00%	Cầu Giấy, Hà Nội	Tư vấn xây lắp

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

**CÔNG TY LIÊN DOANH ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁ GỐC**

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ	Tỉ lệ góp vốn	Trụ sở	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần thủy điện La Ngâu	100.000.000.000	33%	Bình Thuận	Xây lắp, Thủy điện
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Tân	150.000.000.000	40,00%	Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh	KD bất động sản

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

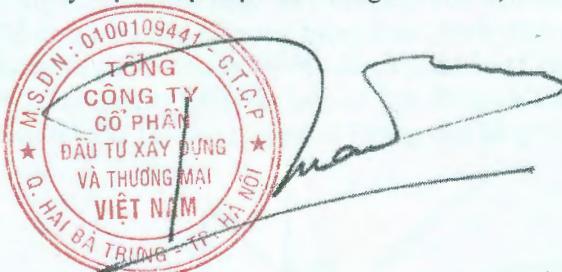
Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Tổng Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phan Minh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2011

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội.

Tel: +84 (4) 3 783 2121
Fax: +84 (4) 3 783 2122
Email: info@cpavietnam.vn
Website: www.cpavietnam.vn

Số: 413 /2011/BCKTHN-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2010
của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 06/06/2011 của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bảng chứng minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Tổng Công ty ghi nhận và trình bày Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm 9.000.000.000 đồng là giá trị lợi thế doanh nghiệp (thương hiệu) theo Quyết định số 1207/QĐ/BXD ngày 22 tháng 8 năm 2006 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam - nay là Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings). Tới thời điểm hiện tại, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn bằng văn bản trong việc hạch toán liên quan đến vấn đề trên.



Nguyễn Phú Hà
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0389KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hàng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2011

Phan Thành Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.003.858.392.941	1.027.205.581.839
I- Tiền	110	5.1	105.923.369.205	85.167.804.931
1. Tiền	111		33.323.369.205	83.667.804.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.600.000.000	1.500.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	45.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		572.281.041.976	544.046.317.456
1. Phải thu khách hàng	131		218.492.327.204	208.659.432.289
2. Trả trước cho người bán	132		283.577.693.542	268.537.638.163
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		55.444.322.605	65.910.343.057
4. Các khoản phải thu khác	135	5.2	15.066.698.625	1.238.903.947
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(300.000.000)	(300.000.000)
IV Hàng tồn kho	140	5.3	279.025.900.968	306.020.999.847
1. Hàng tồn kho	141		279.025.900.968	306.020.999.847
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		46.628.080.792	46.970.459.605
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	561.926.193	6.829.130.631
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.132.932.096	35.712.236.955
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		47.352.657	85.812.515
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	13.885.869.846	4.343.279.504
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		580.034.989.145	501.509.161.174
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		1.635.444.988	51.064.660.154
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.635.444.988	51.064.660.154
II- Tài sản cố định	220		321.126.489.141	191.477.893.406
1. Tài sản cố định hữu hình <i>Nguyên giá</i>	221	5.6	64.587.118.353	62.803.496.337
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	222		103.701.456.473	98.221.401.393
	223		(39.114.338.120)	(35.417.905.056)
2. Tài sản cố định vô hình <i>Nguyên giá</i>	227	5.7	112.974.620.000	31.717.000.000
	228		112.974.620.000	31.717.000.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	143.564.750.788	96.957.397.069
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		222.603.678.350	211.734.829.683
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	159.857.206.293	155.317.656.290
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	69.923.472.865	63.917.406.993
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.177.000.808)	(7.500.233.600)
V- Tài sản dài hạn khác	260		8.065.228.249	12.464.519.514
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	8.065.228.249	12.464.519.514
VI Lợi thế thương mại	269		26.604.148.417	34.767.258.417
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	270		1.583.893.382.086	1.528.714.743.013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
 Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu B 01-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.293.680.500.392	1.287.903.163.455
I- Nợ ngắn hạn	310		895.567.326.802	1.260.689.490.005
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	189.555.781.003	293.529.733.516
2. Phải trả người bán	312		257.689.153.407	289.510.136.421
3. Người mua trả tiền trước	313		87.262.301.035	148.401.136.151
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	24.079.275.366	11.461.316.076
5. Phải trả người lao động	315		7.292.968.076	5.910.915.834
6. Chi phí phải trả	316	5.14	294.149.579.836	169.100.223.925
7. Phải trả nội bộ	317		17.319.525.745	16.121.019.326
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	17.953.422.417	326.142.670.248
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		265.319.917	512.338.508
II- Nợ dài hạn	330		398.113.173.590	27.213.673.450
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	44.000.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		1.322.011.250	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		349.893.367.962	179.350.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	28.889.120.160	2.992.036.000
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.104.439.338	2.013.182.853
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		15.904.234.880	21.985.104.597
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430+439)	400		263.116.750.884	214.448.871.433
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	263.116.750.884	214.448.871.433
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		203.000.000.000	203.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(705.980.964)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.277.092.351	6.051.445.037
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.486.030.935	1.388.710.028
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		502.951.010	485.503.294
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		50.596.159.814	1.562.715.336
7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		1.960.497.738	1.960.497.738
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ	439		27.096.130.810	26.362.708.125
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+349)	440		1.583.893.382.086	1.528.714.743.013

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2011

Tổng Giám đốc



Kế toán trưởng

Đỗ Quang Thuận

Phan Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.092.438.348.466	1.268.471.211.267
2. Các khoản giảm trừ	02		1.301.504.140	3.939.324.301
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	1.091.136.844.326	1.264.531.886.966
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	1.010.686.732.421	1.195.413.245.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		80.450.111.905	69.118.641.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	64.965.637.591	25.077.372.608
7. Chi phí tài chính	22	5.21	42.448.869.431	25.945.847.023
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.812.115.497	25.359.983.811
8. Chi phí bán hàng	24		2.137.384.777	13.837.758.779
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.190.966.803	21.704.398.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		73.638.528.485	32.708.009.373
11. Thu nhập khác	31		4.046.186.968	4.495.138.201
12. Chi phí khác	32		1.114.331.915	2.196.884.695
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.931.855.053	2.298.253.506
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(5.186.700.891)	2.178.235.749
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		71.383.682.647	37.184.498.628
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.492.781.453	155.659.865
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		57.890.901.194	37.028.838.763
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		810.180.478	758.276.400
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		57.080.720.716	36.270.562.363
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	2.812	1.787

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2011

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Thuận



Phan Minh Tuấn

LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Lợi nhuận trước thuế		71.383.682.647	37.184.498.628
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		4.802.082.028	10.238.631.003
03	Các khoản dự phòng		682.778.971	(1.217.863.400)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(64.410.474.846)	(19.512.502.030)
06	Chi phí lãi vay		36.812.115.497	25.359.983.811
08	Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn LĐ		49.270.184.297	52.052.748.012
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		37.564.661.205	296.725.171.858
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		26.995.098.879	(192.277.067.517)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		40.389.316.549	(17.668.257.614)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		10.666.495.703	(40.027.520.079)
13	Tiền lãi vay đã trả		(31.600.276.367)	(6.781.167.145)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.117.367.268)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.010.177.698	11.741.566.178
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(16.565.930.327)	(50.756.990.671)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD		122.612.360.369	53.008.483.022
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(38.074.678.874)	(125.868.154.266)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác		75.500.000	1.458.727.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(45.000.000.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(67.751.796.349)	(137.700.820.373)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		57.555.573.100	2.406.039.300
27	Tiền lãi cho vay, cỗ tức, lợi nhuận được chia		24.851.625.900	17.375.080.306
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(23.343.776.223)	(287.329.127.760)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		193.574.935.887	319.479.937.883
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(272.081.611.525)	(100.206.444.563)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính		(78.506.675.638)	219.273.493.320
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		20.761.908.509	(15.047.151.418)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		85.167.804.931	100.214.956.349
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái ngoại tệ		(6.344.235)	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		105.923.369.205	85.167.804.931

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2011

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Thuận



Phan Minh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 565/QĐ-BXD ngày 13/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam thành Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103017485 lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ tư ngày 16/04/2009.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 203.000.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký kinh doanh, Tổng Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình ngầm, công trình ngoài biển, bưu điện, công trình văn hóa, thể thao, bến cảng; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước và môi trường, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Tư vấn xây dựng trong các lĩnh vực: Lập, quản lý và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, văn phòng cho thuê và dịch vụ công cộng (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Thiết kế, lập dự toán các công trình đến nhóm B; Tư vấn soạn thảo hồ sơ mời đầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn giám sát thi công và tư vấn quản lý dự án; Tư vấn hợp đồng kinh tế; Tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị công nghệ đối với các loại hình công trình xây dựng;
- Gia công lắp dựng kết cấu thép, lắp đặt các hệ thống và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình (Điều hòa không khí, thông gió, thang máy, hệ thống điều khiển điện năng, báo cháy, camera quan sát, hệ thống âm thanh);
- Thí nghiệm kiểm định chất lượng vật liệu, thí nghiệm nền móng;
- Thi công các loại cọc (bê tông, cát, nhồi Barete); Khai thác, sản xuất đá;
- Sản xuất kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, các loại đường ống, phụ kiện và thiết bị ngành nước;
- Mua bán, ký gửi, đại lý và kinh doanh nhập khẩu các hàng hóa công nghệ xây dựng, dây chuyền công nghệ, thiết bị máy móc thuộc các ngành công nghiệp và dịch vụ, thiết bị xe máy thi công, phương tiện vận tải (mô tô xe máy, xe có động cơ khác và phụ tùng), thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, nguyên, nhiên vật liệu, phế liệu, khoáng sản, hàng hóa nông lâm thủy sản, sản phẩm công nghiệp chế biến thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Vận chuyển đưa đón khách theo hợp đồng;
- Đăng cai tổ chức hội nghị hội thảo;
- Đại lý vé máy bay;
- Kinh doanh khai thác dịch vụ bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho xuất khẩu lao động ở nước ngoài và xuất khẩu lao động tại chỗ; Đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động dài hạn để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp (Chỉ hoạt động sau khi được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền);
- Hoạt động đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Quản lý, khai thác, vận hành, kinh doanh các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng, các nhà máy sản xuất công nghiệp, thủy điện, xi măng, chế tạo đồ gỗ;
- Đầu tư các nhà máy sản xuất công nghiệp, thủy điện, xi măng, chế tạo đồ gỗ;
- Trồng rừng, khai thác khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư, kinh doanh phát triển nhà, phát triển và kinh doanh cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, cho thuê văn phòng và nhà ở.

Trong năm 2010, Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, tư vấn xây dựng và kinh doanh nguyên vật liệu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực Kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiểu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiểu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm 2010, Tổng công ty đã xác định giá trị hợp lý của tài sản tại công ty con TNHH Một thành viên CTL là quyền sử dụng đất. Giá trị ghi sổ là 31.774.620.000 đồng, giá trị hợp lý là 112.774.620.000 đồng. Giá phí hợp nhất là 91.000.000.000 đồng. Bất lợi thương mại phát sinh 21.774.620.000 đồng được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyên đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại dự án Phú Thượng, Tây Hồ do Công ty TNHH Một thành viên CTL quản lý.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty.Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phân vốn góp của Công ty vào phân tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bát kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực đầu tư bất động sản, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 chưa phát sinh doanh thu nên Ban giám đốc quyết định phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất được phản ánh theo giá gốc

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty bao gồm giá trị lợi thế doanh nghiệp (thương hiệu), giá trị lợi thế kinh doanh Constrexim và chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ nhất quán theo tiêu thức phù hợp.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kê toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Bao cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Trong trường hợp, hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản nợ dài hạn vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ thì có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá cho năm sau để không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm tiếp theo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỒI KÉ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	1.334.343.619	856.938.309
Tiền gửi ngân hàng	31.989.025.586	82.810.866.622
Các khoản tương đương tiền (*)	72.600.000.000	1.500.000.000
Tổng	105.923.369.205	85.167.804.931

(*): Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu về cổ phần hóa	39.546.000	39.546.000
Phải thu thuế TNCN	15.475.717	15.475.717
Phải thu khác	15.011.676.908	1.183.882.230
<i>Đặt cọc hợp đồng 01/2009/Constrexim - Pegasus</i>	<i>1.800.000.000</i>	-
<i>Chi phí liên doanh Hacom chờ quyết toán</i>	<i>11.689.079.900</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.522.597.008</i>	<i>1.183.882.230</i>
Tổng	15.066.698.625	1.238.903.947

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	246.251.818	246.251.818
Công cụ, dụng cụ	30.046.880	14.366.880
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	278.716.311.890	123.474.118.420
Hàng hoá	33.290.380	234.705.643
Hàng hóa bất động sản	-	182.051.557.086
Tổng	279.025.900.968	306.020.999.847

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí chờ kết chuyển	356.996.639	5.138.708.261
Công cụ dụng cụ (các ban)	204.929.554	65.000.000
Chi phí dự án Mai Hắc Đế	-	155.787.499
Chi phí dự án hạ tầng khu đô thị Cầu Giấy	-	1.180.213.290
Chi phí trả trước của Công ty Bất động sản	-	259.113.678
Dự án Nhà máy thủy điện La Ngâu	-	30.307.903
Tổng	561.926.193	6.829.130.631

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thiêu chò xử lý	298.920.253	298.920.253
Tạm ứng	13.340.719.290	3.955.814.526
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	246.230.303	88.544.725
Tổng	13.885.869.846	4.343.279.504

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<i>Đơn vị tính: VND</i>
					Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	69.825.583.520	9.668.590.940	16.163.190.968	2.564.035.965	98.221.401.393
Tăng trong năm	-	302.733.982	6.284.324.364	97.786.363	6.684.844.709
Mua trong năm	-	302.733.982	6.284.324.364	97.786.363	6.684.844.709
Giảm trong năm	-	703.476.829	378.471.598	122.841.202	1.204.789.629
Thanh lý, nhượng bán	-	703.476.829	378.471.598	-	1.081.948.427
Giảm khác	-	-	-	122.841.202	122.841.202
Tại ngày 31/12	69.825.583.520	9.267.848.093	22.069.043.734	2.538.981.126	103.701.456.473
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	11.649.329.672	8.363.475.837	13.162.134.616	2.242.964.931	35.417.905.056
Tăng trong năm	1.719.124.208	1.326.987.407	1.502.888.890	253.081.523	4.802.082.028
Khâu hao	1.719.124.208	1.326.987.407	1.502.888.890	253.081.523	4.802.082.028
Giảm trong năm	-	689.407.091	378.471.618	37.770.255	1.105.648.964
Thanh lý, nhượng bán	-	689.407.091	378.471.618	-	1.067.878.709
Giảm khác	-	-	-	37.770.255	37.770.255
Tại ngày 31/12	13.368.453.880	9.001.056.153	14.286.551.888	2.458.276.199	39.114.338.120
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	58.176.253.848	1.305.115.103	3.001.056.352	321.071.034	62.803.496.337
Tại ngày 31/12	56.457.129.640	266.791.940	7.782.491.846	80.704.927	64.587.118.353

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại dự án Phú Thượng, Tây Hồ do Công ty TNHH Một thành viên CTL quản lý. Giá trị tài sản được phản ánh theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công trình Khu dân dụng Bắc Phú Cát	1.016.363.636	1.016.363.636
Dự án khách sạn, Căn hộ cao cấp Oceanview Nha Trang	24.997.464.865	24.804.826.590
Dự án Khu biệt thự cao cấp Oceanview Nha Trang 2	71.147.330.634	68.039.425.604
Trụ sở 39 Nguyễn Đình Chiểu	35.153.004.093	3.096.781.239
Hợp đồng hợp tác KD E2-D28	2.437.660.984	-
Dự án Trung Kính Tower	131.745.638	-
Dự án tòa nhà hỗn hợp Hồ Tây- Park View - Phú Thượng, Tây Hồ, hà nội	8.681.180.938	-
Tổng	143.564.750.788	96.957.397.069

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.9 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Vốn điều lệ	Tỉ lệ góp vốn	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	25.000.000.000	20,00%	5.761.746.086	5.189.996.248
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	10.000.000.000	20,00%	2.361.263.788	2.359.648.776
Công ty Cổ phần Xây lắp và sản xuất cấu kiện Constrexim	6.000.000.000	30,00%	2.105.605.476	2.149.894.444
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Constrexim số 16	5.000.000.000	20,00%	1.012.759.085	1.002.569.227
Công ty Cổ phần Constrexim Thăng Long	5.100.000.000	0,00%	-	1.748.458.719
Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư và xây dựng (Sài gòn)	36.800.000.000	20,54%	13.543.217.426	12.222.100.049
Công ty Cổ phần Đức Tân Long Constrexim	66.532.320.000	27,71%	11.344.061.976	14.937.799.463
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	30.424.100.000	26,72%	-	9.579.193.282
Công ty Cổ phần ĐTXD và Lắp máy điện nước (Constrexim Toàn Cầu)	5.000.000.000	20,00%	1.563.596.482	1.416.966.745
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và tư vấn thiết kế Constrexim (CID)	4.900.000.000	20,41%	1.097.345.473	1.161.472.873
Công ty Cổ phần Constrexim số 9	6.000.000.000	20,00%	1.239.789.662	1.237.143.429
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	10.000.000.000	27,00%	2.101.377.578	3.135.216.820
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Tân	150.000.000.000	40,00%	80.765.000.000	80.765.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và tư vấn Xây dựng Constrexim (ICC)	10.000.000.000	30,00%	3.517.143.260	3.398.196.212
Công ty Cổ phần thủy điện La Ngâu	100.000.000.000	33,00%	33.444.299.999	15.014.000.000
Tổng			159.857.206.293	155.317.656.290

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu doanh nghiệp bên ngoài(1)	754.072	20.134.144.154	85.908	10.307.750.000
Công ty TNHH Pegasus fund 1 (2)		23.312.683.091		18.417.272.741
Công ty Cổ phần Constrexim Thăng Long	3.000	300.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại (3)	5.500	549.950.000	23.150	2.314.950.000
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và TM Hải Phòng Constrexim	27.287	272.865.620	27.287	272.865.620
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	45.000	450.000.000	45.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp cao tầng Constrexim (IBC)	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Constrexim (HOD) (2)	306.500	3.065.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xử lý nền móng và xây lắp Constrexim (Fodacon)	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	69.000	690.000.000	69.000	690.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và Xuất nhập khẩu Phục Hưng	60.000	600.000.000	370.200	3.702.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và Xuất nhập khẩu Cảnh Viên	276.570	2.765.700.000	276.570	2.765.700.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	352.495	3.524.950.000	352.495	3.524.950.000
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và Thương mại Thái Bình Dương	506.810	5.068.100.000	506.810	5.068.100.000
Công ty Cổ phần Constrexim Việt séc	192.000	1.920.000.000	192.000	1.920.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	280.768	2.807.680.000	280.768	2.807.680.000
Công ty Liên doanh Czech., Ltd (4)	86.240	862.400.000	707.614	7.076.138.632
Cổ phiếu Công ty Constrexim số 1				
Tổng	3.325.241	69.923.472.865	3.396.801	63.917.406.993

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.10 Đầu tư dài hạn khác (Tiếp theo)

(1) Số lượng cổ phiếu tăng giảm do hoạt động mua bán chứng khoán trong năm. Chi tiết các khoản đầu tư:

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Phát triển Công trình Viễn thông	10.000	390.000.000	10.000	390.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	16.922	1.296.000.000	16.922	1.296.000.000
Công ty CP Cáp và Vật liệu viễn thông (Sacom)	48.000	7.000.000.000	48.000	7.000.000.000
Công ty CP Đại lý liên hiệp Vận chuyển GMD	-	-	2.000	370.000.000
Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí PVD	-	-	4.800	853.800.000
Công ty CP Điện lực Khánh Hòa (KHP)	-	-	1.386	74.750.000
Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú (MPC)	-	-	1.000	65.400.000
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	-	-	1.000	257.000.000
Ngân hàng Eximbank	800	800.000	800	800.000
Công ty PTHT đô thị TPHCM	222.050	2.665.955.000	-	-
Công ty Cổ phần FPT	19.000	691.600.000	-	-
Ngân Hàng TMCP Nhà Hà nội	5.000	430.000.000	-	-
Công ty nhiệt điện Phả Lại	54.410	568.404.597	-	-
Công ty CPĐTXD và XNK Phục Hưng	44.000	592.937.585	-	-
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín	4.890	131.446.972	-	-
Quỹ Đầu tư kinh doanh hàng đầu Việt Nam	38.000	543.400.000	-	-
Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	44.000	2.880.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	190.000	2.300.900.000	-	-
Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam	57.000	642.200.000	-	-
Tổng	754.072	20.134.144.154	85.908	10.307.750.000

(2) Bổ sung vốn đầu tư.

(3): Thoái vốn đầu tư

(4): Điều chỉnh lại khoản đầu tư theo vốn góp ban đầu.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh	-	613.884.262
Thương hiệu	6.937.500.000	7.837.500.000
Chi phí công cụ dụng cụ	672.304.426	730.584.183
Giá trị thương hiệu	355.000.004	580.000.000
Chi phí khác	100.423.819	2.702.551.069
Tổng	8.065.228.249	12.464.519.514

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.12 Vay ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng		
Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	28.801.821.003	36.654.123.828
Ngân hàng No & PTNT - Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu	-	552.839.500
Ngân hàng TMCPXNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	112.843.960.000	161.331.983.188
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh Ninh Thuận	-	158.787.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	45.000.000.000	91.482.000.000
Vay đối tượng khác	2.910.000.000	3.350.000.000
Tổng	189.555.781.003	293.529.733.516

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.745.213.383	9.823.470.638
Thuế xuất, nhập khẩu	636.833.760	1.137.638.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.502.828.927	213.227.257
Thuế thu nhập cá nhân	63.476.369	4.850.000
Các loại thuế khác	130.922.927	282.129.848
Tổng	24.079.275.366	11.461.316.076

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí các dự án, công trình (*)	293.458.096.747	165.567.408.328
<i>Gói thầu số 09 - NMXM Chinfon</i>	-	1.763.428.716
<i>Dự án nhà Yên Hoà</i>	106.442.467.053	110.457.799.097
<i>Dự án nhà Kim Liên</i>	10.515.054.241	10.515.054.241
<i>Dự án Nhà số 1 & 5 - Lê Duẩn TP. HCM</i>	30.966.750.377	30.966.750.377
<i>Dự án tòa nhà VP2 - PVI</i>	134.257.993.982	-
<i>Một số công trình khác</i>	11.275.831.094	11.864.375.897
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	220.000.000	-
Chi phí phải trả khác	471.483.089	3.532.815.597
Tổng	294.149.579.836	169.100.223.925

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	940.607.299	893.261.863
Bảo hiểm xã hội, y tế	243.349.132	-
Bảo hiểm thất nghiệp	29.307.040	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000	-
Phải trả về cổ phần hóa	-	319.084.844.938
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.738.158.946	6.164.563.447
<i>Phải trả cổ tức</i>	204.476.757	455.362.710
<i>Góp vốn thủy điện La Ngàu</i>	2.100.000.000	3.100.000.000
<i>Góp vốn xây dựng sân tennis</i>	200.000.000	200.000.000
<i>Constrexim 1 (Hợp đồng hợp tác KD)</i>	1.757.000.000	-
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	12.476.682.189	2.409.200.737
Tổng	17.953.422.417	326.142.670.248

5.16 Vay dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngân hàng	28.889.120.160	2.992.036.000
Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	910.159.000	2.992.036.000
Ngân hàng TMCPXNK Việt Nam Chi nhánh Long Biên	27.978.961.160	-
Tổng	28.889.120.160	2.992.036.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB
Số dư 01/01/2009	203.000.000.000	-	1.209.314.678	5.341.852.732	485.503.294	(33.982.242.385)	1.683.143.242
Tăng trong năm	-	-	220.626.588	903.480.872	-	36.270.562.362	277.354.496
Lợi nhuận sau thuế	-	-	8.749.606	26.248.818	-	36.270.562.362	-
Lợi ích từ liên kết	-	-	211.876.982	877.232.054	-	-	277.354.496
Giảm trong năm	-	-	41.231.237	193.888.567	-	725.604.641	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	68.624.149	-
Do hợp nhất	-	-	41.231.237	193.888.567	-	656.980.493	-
Số dư 31/12/2009	203.000.000.000	-	1.388.710.028	6.051.445.037	485.503.294	1.562.715.336	1.960.497.738
Số dư 01/01/2010	203.000.000.000		1.388.710.028	6.051.445.037	485.503.294	1.562.715.336	1.960.497.738
Tăng trong năm	-		118.320.907	490.485.862	43.572.972	57.106.443.129	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	57.080.720.716	-
Tăng do Hợp nhất	-	-	118.320.907	490.485.862	-	25.722.413	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	43.572.972	-	-
Giảm trong năm	-	705.980.964	21.000.000	264.838.548	26.125.256	8.072.998.651	-
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	7.387.136.327	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	104.575.133	-
Giảm khác	-	705.980.964	21.000.000	264.838.548	26.125.256	581.287.191	-
Số dư 31/12/2010	203.000.000.000	(705.980.964)	1.486.030.935	6.277.092.350	502.951.010	50.596.159.814	1.960.497.738

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty ĐT&KD vốn Nhà nước (SCIC)	117.375.000.000	117.375.000.000
Các cổ đông khác	85.625.000.000	85.625.000.000
Tổng	203.000.000.000	203.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	203.000.000.000	203.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	203.000.000.000	203.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu năm		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.300.000	20.300.000
Cổ phiếu phổ thông	20.300.000	20.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm		
Cổ phiếu phổ thông	20.300.000	20.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	40.700.084.246	220.530.904.815
Doanh thu xây dựng	736.568.633.303	969.226.864.506
Doanh thu cho thuê nhà	210.481.953	377.065.523
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	304.642.200.457	39.160.800.000
Doanh thu khác	9.015.444.367	35.236.252.122
Tổng	1.091.136.844.326	1.264.531.886.966

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	38.781.597.230	206.037.245.156
Giá vốn xây dựng	712.831.365.953	948.489.199.862
Giá vốn hàng hóa bất động sản	252.419.820.411	28.509.671.086
Giá vốn khác	6.653.948.827	12.377.129.574
Tổng	1.010.686.732.421	1.195.413.245.678

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền gửi	25.650.921.450	16.610.945.566
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.304.778.488	2.901.556.464
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.488.499	4.257.771.033
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	12.147.229.154	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	1.246.440.800
Bất lợi thương mại	21.774.620.000	-
Khoản khác	57.600.000	60.658.745
Tổng	64.965.637.591	25.077.372.608

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.142.942.473	-
Chi phí bán chứng khoán	467.074.246	-
Lãi phải trả SCIC	30.669.173.024	25.359.983.811
Chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	4.596.334.480	557.285.812
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	573.345.208	28.577.400
Tổng	42.448.869.431	25.945.847.023

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	57.080.720.716	36.270.562.363
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	57.080.720.716	36.270.562.363
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.300.000	20.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.812	1.787

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty nhận định, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần thiết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6.2 Giao dịch với bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010
		VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Tiền lương và thù lao	1.175.399.000
Ban Kiểm soát	Tiền lương và thù lao	370.433.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

6.2 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Giao dịch mua	Giao dịch liên quan đến thu nhập		
	Khối lượng công trình	Lãi vay	Cổ tức được nhận	Thu nhập khác
Công ty CP Constrexim số 1	569.405.000	-	-	-
Công ty CP Constrexim Toàn Cầu	37.255.486.353	34.000.000	-	-
Công ty CP Constrexim Việt Séc	5.385.049.416	45.868.920	-	-
Công ty CP CONSTREXIM số 8	23.687.253.078	134.411.721	336.500.000	-
Công ty CP Constrexim CIC	67.502.184.711	-	260.000.000	-
Công ty CP Constrexim Đông Đô	111.983.215.159	129.062.500	234.013.000	-
Công ty CP Constrexim Hải phòng	3.607.075.000	307.505.617	-	-
Công ty CP Constrexim Cầu kiện	2.289.601.077	-	353.520.000	-
Công ty CP Constrexim Miền Trung	3.680.368.747	256.745.260	-	-
Công ty CP Constrexim số 16	9.218.834.606	-	-	-
Công ty CP Constrexim số 9	9.053.060.236	-	60.000.000	-
Công ty CP Constrexim IBC	150.661.156.816	-	-	-
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	40.692.722.864	17.486.548	-	-
Công ty CP Constrexim số 6	45.146.375.145	83.692.903	-	-
Công ty CP Constrexim Pacific	-	-	760.215.000	-
Công ty CP Constrexim TDC	-	-	756.000.000	-
Công ty CP Constrexim Bình Định	14.561.516.460	-	975.529.200	-
Công ty CP Constrexim Cảnh Viên	99.393.720.227	-	240.000.000	-
Công ty CP Constrexim ICC	593.719.824	-	-	-
Công ty CP Constrexim CID	48.738.195.030	569.356.154	110.000.000	-
Công ty CP Constrexim HOD	-	-	516.250.000	-
Công ty CP Constrexim CTM	-	-	33.000.000	-
Công ty CP Constrexim Đức Tân Long	-	252.050.000	-	-
Công ty CP Constrexim Phục Hưng	-	-	555.300.000	-
Tổng	674.018.939.749	1.830.179.623	5.190.327.200	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

6.2 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan khác

Đối tượng	31/12/2010 (VND)		31/12/2010 (VND)
	Phải thu	Phải trả	
Công ty CP Constrexim số 1	-	12.176.169.060	
Công ty CP Constrexim số 2	977.921.243	-	
Công ty CP Constrexim Toàn Cầu	-	51.941.467.169	
Công ty CP Constrexim TM	1.483.162.670	-	
Công ty CP Constrexim Hải phòng	-	1.432.445.515	
Công ty CP Constrexim Thăng Long	6.598.224.499	-	
Công ty CP Constrexim Cầu kiện	-	5.621.182.478	
Công ty CP Constrexim HOD	4.495.940.000	-	
Công ty CP Constrexim Đà Nẵng	-	1.459.448.007	
Công ty CP Constrexim Bắc Trung Bộ	12.592.566.746	-	
Công ty CP Constrexim số 9	12.417.122.261	-	
Công ty CP Constrexim Nhà cao tầng	43.107.955.121	-	
Công ty CP Constrexim đồ gỗ	184.732.500	-	
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	-	26.848.330.690	
Công ty CP Constrexim TDC	-	-	
Công ty CP Constrexim TIC	2.286.546.034	-	
Công ty CP Constrexim Phục Hưng	7.628.569.386	-	
Công ty CP Constrexim Đức Tân Long	2.294.783.565	-	
Công ty CP Constrexim Bình định	-	7.024.083.010	
Công ty CP Constrexim Cảnh viên	-	18.732.833.796	
Công ty CP Constrexim ICC	2.927.694.945	-	
Công ty CP Constrexim CID	17.931.144.096	-	
Công ty Pegasud Fund 1	578.832.427	-	
Công ty CP Constrexim Đông Đô	55.665.205.003	-	
Công ty CP Constrexim số 6	-	3.552.333.611	
Công ty CP Constrexim Việt séc	4.364.090.541	-	
Công ty CP Constrexim số 8	-	6.827.953.618	
Công ty CP Constrexim CIC	5.537.886.212	-	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

6.3 Thông tin tài chính khác

Ngày 01/03/2010 Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 35/GCN-UBCK cho Constrexim Holdings chào bán 38.530.000 cổ phiếu ra công chúng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

6.4 Số liệu so sánh

Là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Thuận

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2011

Tổng Giám đốc



Phan Minh Tuấn

